

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025-DDCI.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 24/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2467/TTr-SKHĐT-ĐKKD ngày 08/12/2022 về việc điều chỉnh Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025-DDCI.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025-DDCI được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 20/4/2021, cụ thể như sau:

a) Tại Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh:

“1. Bộ chỉ số bao gồm:

a) Áp dụng đối với cấp huyện, thị, thành phố: có 09 chỉ số thành phần với 71 chỉ tiêu đánh giá.

b) Áp dụng đối với cấp sở, ban, ngành: có 08 chỉ số thành phần với 60 chỉ tiêu đánh giá.

(Có Bảng tổng hợp Bộ chỉ số DDCI kèm theo)”.

b) Điều chỉnh:

“1. Bộ chỉ số giai đoạn 2022-2025 bao gồm:

a) Áp dụng đối với cấp huyện, thị xã, thành phố: có 09 chỉ số thành phần với 78 chỉ tiêu đánh giá.

b) Áp dụng đối với cấp sở, ban, ngành: có 08 chỉ số thành phần với 67 chỉ tiêu đánh giá.

(Có Bảng tổng hợp Bộ chỉ số DDCI điều chỉnh kèm theo)".

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam (VCCI);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; các Ban đảng Tỉnh ủy;
- ĐU khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;
- Các Huyện ủy/Thị ủy/Thành ủy các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND/UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức Hội, HHDN tỉnh; LH các Hội KHKT tỉnh;
- Đài PT-TH&Báo BP; các cơ quan thông tấn báo chí;
- LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT. (108Thg-12.12)



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

BẢNG TỔNG HỢP
BỘ CHỈ SỐ DDCI ĐIỀU CHỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2025 CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2314 /QĐ-UBND ngày 14 / 12 /2022 của UBND tỉnh)

A - Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá đối với cấp huyện, thị xã, thành phố

Mã chỉ tiêu	Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá (78 chỉ tiêu)	Câu hỏi tương ứng trên Phiếu khảo sát DDCI 2022	Chỉ tiêu 2021 tương ứng	Ghi chú
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin			
	<i>Tiếp cận thông tin</i>			
1.1	Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin	A1.1. Các thông tin về hoạt động, quy hoạch, kế hoạch, ngân sách của địa phương A1.2. Các thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công của địa phương A1.3. Các thông tin về văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách mới A1.4. Các thông tin về chính sách ưu đãi, chương trình hỗ trợ dành cho doanh nghiệp	1.1	Giữ nguyên
1.2	Mức độ tiếp cận các thông tin không được công bố công khai	A2. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định sau: “Chính quyền địa phương sẵn sàng cung cấp những thông tin, văn bản (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) KHÔNG CÓ SẴN trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website) nếu Doanh nghiệp đề nghị”.	1.2	Giữ nguyên
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng thông tin điện tử	A4. Trong năm 2022, Doanh nghiệp đã từng truy cập vào website/cổng thông tin điện tử của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ chưa?	1.3	Điều chỉnh cách diễn đạt
	<i>Minh bạch thông tin</i>			
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính được niêm yết công khai	A10.1. Thủ tục được niêm yết công khai tại bảng thông tin và/hoặc cổng thông tin điện tử	1.5	Giữ nguyên
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phí và lệ phí được niêm yết công khai	A10.3. Phí và lệ phí liên quan đến TTHC được niêm yết công khai	1.6	Giữ nguyên

1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền công khai, minh bạch lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	B2. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến với nhận định: “Chính quyền địa phương công khai, minh bạch lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp và người dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Địa phương”		Biến mới. Cập nhật theo PCI
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, ngân sách được cập nhật thường xuyên và đầy đủ trên cổng TTĐT	A5.1. Các thông tin về hoạt động, quy hoạch, kế hoạch, ngân sách của địa phương được cập nhật thường xuyên và đầy đủ	1.7	Điều chỉnh cách diễn đạt
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công được cập nhật thường xuyên và đầy đủ trên cổng TTĐT	A5.2. Website cung cấp cơ sở dữ liệu cập nhật nhanh chóng và đầy đủ về các dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công của địa phương	1.8	Điều chỉnh cách diễn đạt
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cổng TTĐT của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến góp ý của doanh nghiệp rất hữu ích	A5.3. Website có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp rất hữu ích	1.9	Điều chỉnh cách diễn đạt
	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin (Chuyển đổi số)</i>			
1.10	Tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến	A8. Doanh nghiệp đã từng thực hiện TTHC tại Trung tâm hành chính công của Chính quyền địa phương theo phương thức nào?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
1.11	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là đơn giản và dễ dàng hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A12.1. Việc thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến đơn giản và dễ dàng hơn phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp cán bộ)		Biến mới. Cập nhật theo PCI
1.12	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A12.2. Khi thực hiện TTHC trực tuyến, Doanh nghiệp tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp cán bộ)		Biến mới. Cập nhật theo PCI
1.13	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A12.3. Khi thực hiện TTHC trực tuyến, Doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp cán bộ)		Biến mới. Cập nhật theo PCI

1.14	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	A12.4. Khi thực hiện TTHC trực tuyến, Doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống		Biến mới. Cập nhật theo PCI
2	Khả năng tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh			Điều chỉnh từ 5% lên 10%
	<i>Mức độ đáp ứng nhu cầu</i>			
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh	B5. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến với nhận định: “Doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp nếu có nhu cầu tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh tại Địa phương”	2.1	Giữ nguyên
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh đáp ứng được trên 50% nhu cầu	B1. Diện tích mặt bằng kinh doanh của Doanh nghiệp đang sử dụng có đáp ứng được nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh?	2.2	Giữ nguyên
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng có cải thiện nhiều	B6. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về mức độ cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với các cơ sở kinh doanh của Doanh nghiệp tại địa phương trong năm qua.	2.3	Giữ nguyên
	<i>Mức độ ổn định</i>			
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ rủi ro khi sử dụng đất của Doanh nghiệp tại địa phương	B3. Doanh nghiệp vui lòng đánh giá về mức độ rủi ro khi sử dụng đất của Doanh nghiệp (như rủi ro bị chính quyền thu hồi cho mục đích sử dụng khác, thay đổi quy hoạch, v.v.)	2.4	Giữ nguyên
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức bồi thường cho mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp là thỏa đáng nếu như bị thu hồi	B4. Trên cơ sở đánh giá về các trường hợp khác tại địa phương trong năm qua, Doanh nghiệp nhận định thế nào về mức độ bồi thường cho mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp/cá nhân nếu bị thu hồi?	2.5	Giữ nguyên
3	Chi phí không chính thức			Điều chỉnh từ 15% xuống 10%
	<i>Thực trạng chi phí không chính thức</i>			

3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu còn phổ biến	C4. Doanh nghiệp đánh giá các nhận định sau đối với Chính quyền địa phương 1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến tại Chính quyền địa phương	3.1	Giữ nguyên
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Có mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính	A15. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định sau: “Doanh nghiệp KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong việc giải quyết TTHC tại địa phương”:	3.2	Giữ nguyên
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "có mối quan hệ" sẽ thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của chính quyền địa phương	A3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định sau: “Những doanh nghiệp có “mối quan hệ” với cán bộ của Chính quyền địa phương có thể dễ dàng tiếp cận được những thông tin, văn bản (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) KHÔNG CÓ SẴN trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website)”.	1.4	Giữ nguyên (điều chỉnh vị trí chỉ tiêu 1.4 chuyên xuống)
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ gây khó khăn để trực lợi	A9. Nếu đã đến thực hiện TTHC trực tiếp tại Trung tâm hành chính công của Chính quyền địa phương, Doanh nghiệp có gặp phải hiện tượng cán bộ tại Trung tâm hành chính công của Chính quyền địa phương gây khó khăn/trì hoãn để trực lợi không?	3.3	Giữ nguyên
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại đơn vị được đánh giá	C4.2. Doanh nghiệp coi chi phí không chính thức là đương nhiên tại Chính quyền địa phương	3.4	Giữ nguyên
	<i>Mức trả chi phí không chính thức</i>			
3.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức cho cán bộ của đơn vị được đánh giá là đáng kể so với doanh thu	C2. Trong năm 2022, mức trả chi phí không chính thức của Doanh nghiệp cho cán bộ của Chính quyền địa phương ở mức độ như thế nào so với doanh thu của Doanh nghiệp?	3.5	Giữ nguyên
3.7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng xu hướng chi phí không chính thức tăng so với năm trước	C3. Mức chi trả chi phí không chính thức của Doanh nghiệp cho cán bộ của Chính quyền địa phương trong năm 2022 so với các năm trước như thế nào?	3.6	Giữ nguyên
4	Chi phí thời gian			
	<i>Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)</i>			

4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết thủ tục hành chính	A10.6. Doanh nghiệp không mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết TTHC		Biến mới
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục thực hiện TTHC được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	A10.2. Quy trình thực hiện TTHC được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	4.1	(Điều chỉnh cách diễn đạt)
4.3	Thời gian nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận" khi gửi hồ sơ trực tuyến	A11. Nếu doanh nghiệp đã từng thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của Chính quyền địa phương, thông thường sau bao lâu doanh nghiệp nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận"?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
4.4	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp phải tình trạng hồ sơ thủ tục hành chính đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	A13. Từ tháng 10/2021 đến nay, Doanh nghiệp có gặp phải trường hợp hồ sơ TTHC đã được chấp nhận hợp lệ bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ khi làm việc tại Chính quyền địa phương không?		Biến mới
4.5	Số lần doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi đã được tiếp nhận hợp lệ	A13.1. Nếu có, số lần một hồ sơ TTHC bị trả lại NHIỀU NHẤT là bao nhiêu?	4.3	(Điều chỉnh cách diễn đạt)
4.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết Trung tâm hành chính công có cán bộ đón tiếp, hướng dẫn	A10.4. Có cán bộ đón tiếp, hoặc dễ dàng tìm được cán bộ hướng dẫn trình tự, quy trình thực hiện TTHC khi có nhu cầu		Biến mới
4.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Trung tâm hành chính công có chất lượng tốt	A10.5. Cơ sở vật chất của Trung tâm hành chính công có chất lượng tốt (Bố cục của Trung tâm hành chính công hợp lý; biển chỉ dẫn rõ ràng; khu vực chờ có đủ ghế, thoáng mát, sạch sẽ, có nước uống; có đủ phòng vệ sinh và phòng vệ sinh sạch sẽ...)		Biến mới
4.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại trung tâm hành chính công (hoặc các bộ phận có giao dịch với doanh nghiệp) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	A10.8. Cán bộ ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	4.2	(Điều chỉnh cách diễn đạt)
4.9	[CHỈ TIÊU CỨNG] Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn		4.5	Giữ nguyên
	Thời gian thanh tra, kiểm tra riêng			
4.10	Số lần thanh kiểm tra riêng trong 1 năm	C1.b) Số lần thanh tra, kiểm tra riêng của Chính quyền địa phương từ tháng 10/2021 đến nay là?	4.6	Giữ nguyên

4.11	Thời gian của lần thanh tra, kiểm tra riêng kéo dài nhất	C1.c) Thời gian của lần thanh tra, kiểm tra riêng kéo dài nhất của Chính quyền địa phương từ tháng 10/2021 đến nay là?	4.7	Điều chỉnh
4.12	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	C1.d) Hoạt động thanh tra, kiểm tra riêng của Chính quyền địa phương từ tháng 10/2021 đến nay có gây cản trở đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp không?	4.8	Giữ nguyên
5	Cạnh tranh bình đẳng			
	<i>Ưu ái cho doanh nghiệp sản sau, thân hữu</i>			
5.1	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sản sau và doanh nghiệp thân hữu của chính quyền địa phương	D2. Doanh nghiệp nhận định như thế nào về sự hiện diện của Doanh nghiệp sản sau và/hoặc Doanh nghiệp có liên kết (“thân hữu”) với cán bộ thuộc Chính quyền địa phương?	5.1	Giữ nguyên
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định chính quyền địa phương ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	D3. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định: “Chính quyền địa phương ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn (bao gồm cả doanh nghiệp FDI, tư nhân, nhà nước) hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc chính quyền địa phương dành ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	D4. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định: “Việc Chính quyền địa phương dành ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn (bao gồm cả doanh nghiệp FDI, tư nhân, nhà nước) gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
	<i>Đối xử bình đẳng</i>			
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh chính quyền địa phương có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân	D1. Doanh nghiệp đánh giá như thế nào về thái độ của Chính quyền địa phương đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của chính quyền chính quyền địa phương dành cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp	D5. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định: “Sự quan tâm của Chính quyền địa phương đối với doanh nghiệp không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp (như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho nhà nước, số tiền ủng hộ các chương trình/hoạt động của địa phương, v.v.)”?	5.7	Giữ nguyên

5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hoạt động đối thoại doanh nghiệp chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn	E5.1. Đối thoại chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn	5.8	Giữ nguyên
6	Hỗ trợ doanh nghiệp			
	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp</i>			
6.1	Mức độ doanh nghiệp đã tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương	E1. Từ tháng 10/2021 tới nay, Doanh nghiệp có tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ do Chính quyền địa phương tổ chức hay không? E1.1.1. Đã tham gia/được hưởng	6.1	Điều chỉnh nội dung so với phiên bản cũ
6.2	Mức độ doanh nghiệp đánh giá thủ tục để tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương là dễ dàng	E1.1.2. Thủ tục để tham gia/được hưởng có dễ dàng?		Biến mới
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền địa phương là thực chất	E2. Nếu Doanh nghiệp đã từng tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do Chính quyền địa phương tổ chức, Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về chất lượng của các chương trình này?	6.3	Giữ nguyên
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền địa phương đã có cải thiện nhiều	E3. Doanh nghiệp vui lòng cho ý kiến về mức độ cải thiện trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nói chung của Chính quyền địa phương trong năm qua?	6.4	Giữ nguyên
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ của chính quyền địa phương hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	A10.7. Cán bộ hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết TTHC cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	6.5	Giữ nguyên
	<i>Đối thoại doanh nghiệp</i>			
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình đối thoại doanh nghiệp của chính quyền địa phương	E4. Từ tháng 10/2021 đến nay, Doanh nghiệp có được mời/thông báo tham gia các buổi đối thoại doanh nghiệp do Chính quyền địa phương tổ chức không?	6.7	Giữ nguyên
6.7	Chất lượng của hoạt động đối thoại của chính quyền địa phương	E5.2. Vấn đề, quan ngại của doanh nghiệp được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại E5.3. Chính quyền địa phương tiếp thu ý kiến và có kế hoạch thay đổi cụ thể sau đối thoại	6.8	Giữ nguyên
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự			Điều chỉnh từ 5% lên 10%
	<i>Đảm bảo an ninh trật tự của chính quyền</i>			

7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép còn phổ biến trên địa bàn	F6.1. Hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép còn phổ biến trên địa bàn	7.1	Giữ nguyên
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền chính quyền địa phương giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản trên địa bàn	F6.3. Chính quyền địa phương giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản của doanh nghiệp trên địa bàn	7.2	Giữ nguyên
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường còn phổ biến trên địa bàn	F3.1. Hiện tượng lấn chiếm đất đai còn phổ biến trên địa bàn F4.1. Hiện tượng xây dựng trái phép còn phổ biến trên địa bàn F5.1. Hiện tượng vi phạm quy định bảo vệ môi trường còn phổ biến trên địa bàn		Biến mới
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường	F3.2. Chính quyền địa phương rất kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai trên địa bàn F4.2. Chính quyền địa phương rất kiên quyết xử lý các vụ xây dựng trái phép trên địa bàn F5.2. Chính quyền địa phương rất kiên quyết xử lý các vụ vi phạm quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn		Biến mới
	<i>Chi phí an ninh trật tự</i>			
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải bỏ nhiều chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh trật tự	F6.2. Doanh nghiệp phải bỏ nhiều chi phí thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh để bảo vệ tài sản của doanh nghiệp	7.4	Giữ nguyên
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải trả các chi phí bảo kê	F6.4. Doanh nghiệp phải trả chi phí cho các dịch vụ bảo kê (xã hội đen) để được yên ổn sản xuất kinh doanh	7.5	Giữ nguyên
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hiện tượng bảo kê còn phổ biến trên địa bàn	F6.5. Hiện tượng trả chi phí cho các dịch vụ bảo kê (xã hội đen) để được yên ổn sản xuất kinh doanh trên địa bàn là phổ biến	7.6	Giữ nguyên
	<i>Tuân thủ pháp luật của chính quyền</i>			

7.8	Mức độ đánh giá của doanh nghiệp trong trường hợp có gặp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan hành chính địa phương làm trái với các quy định của pháp luật	F1. Theo Doanh nghiệp, nhận định sau có thường xuyên đúng không: “Giả sử tại Chính quyền địa phương có một cán bộ nhà nước làm trái với quy định của pháp luật (như thanh tra, kiểm tra quá mức quy định, hạch sách, nhũng nhiễu, đòi các khoản chi không chính thức...), tôi có thể tố cáo người đó với Chính quyền địa phương và tin tưởng rằng đơn tố cáo sẽ được Chính quyền tiếp nhận và xem xét nghiêm túc”?	7.8	Giữ nguyên
7.9	Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án cấp huyện để phân xử trong trường hợp có tranh chấp	F2. Giả sử Doanh nghiệp có tranh chấp với đối tác kinh doanh (do đối tác không trả nợ, không thực hiện các điều khoản đúng như trong hợp đồng, hoặc có hành vi lừa đảo, gian dối...) hoặc với người lao động, Doanh nghiệp có sẵn sàng sử dụng Tòa án cấp huyện tại địa phương để giải quyết tranh chấp hay không?		Biến mới PCI 2021
8	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương			
	<i>Tính năng động, sáng tạo</i>			
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của chính quyền địa phương	G1.3. Nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn	8.1	Giữ nguyên
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp	G1.4. Chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện/tỉnh	8.2	Giữ nguyên
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	G1.5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	8.3	Giữ nguyên
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	E7. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định “Trong năm vừa qua, Chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn địa phương”	8.4	Giữ nguyên
	<i>Hiệu quả hoạt động</i>			

8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	G1.1. Thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	8.5	Giữ nguyên
8.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	G1.2. Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	8.6	Giữ nguyên
8.7	[CHỈ TIÊU CỨNG] Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của địa phương đến hết quý 3		8.7	Giữ nguyên
	<i>Mức độ hài lòng</i>			
8.8	Mức độ hài lòng đối với công thông tin điện tử	A6. Cân nhắc tất cả các khía cạnh về thiết kế, nội dung, tình trạng kết nối, mức độ cập nhật thông tin... Doanh nghiệp cho biết mức độ hài lòng chung đối với website/công thông tin điện tử của Chính quyền địa phương (Doanh nghiệp có thể truy cập lại vào địa chỉ tại đây để đánh giá)		Biến mới
8.9	Mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ trong việc thực hiện thủ tục hành chính	A14. Xét tổng thể, Doanh nghiệp vui lòng cho biết mức độ hài lòng của mình về chất lượng phục vụ của Chính quyền địa phương về toàn bộ hoạt động liên quan đến TTHC tại Chính quyền địa phương:		Biến mới
9	Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương			Điều chỉnh từ 20% xuống 15%
	<i>Công tác điều hành của lãnh đạo</i>			
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại địa phương	G2.1. Lãnh đạo Chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại địa phương	9.1	Giữ nguyên
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu chính quyền địa phương giải quyết công bằng các khiếu nại	G2.2. Lãnh đạo Chính quyền địa phương giải quyết công bằng và kịp thời những khiếu nại của doanh nghiệp với các cán bộ, bộ phận hành chính của địa phương	9.3	Giữ nguyên
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	G2.3. Lãnh đạo Chính quyền địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của cán bộ nhà nước và hệ thống chính quyền	9.4	Giữ nguyên



9.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương đề cao và phát huy vai trò của công nghệ	G2.4. Lãnh đạo Chính quyền địa phương đề cao ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo để cải thiện quy trình quản lý trong thủ tục hành chính	9.5	Giữ nguyên
9.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương nghiêm minh với cán bộ làm trái với quy định của pháp luật	F1.1. Giả sử sau khi tiếp nhận và xem xét đơn tố cáo, Chính quyền địa phương xác định rằng cán bộ đó có dấu hiệu làm trái với quy định của pháp luật, thì theo ý kiến của Doanh nghiệp, nhận định sau có đúng không: “Người đứng đầu UBND Chính quyền địa phương sẽ không bao che và sẽ xử lý, kỷ luật cán bộ làm trái với quy định của pháp luật”?	9.6	Điều chỉnh nội dung
9.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp	E6. Doanh nghiệp từng thấy người đứng đầu UBND Chính quyền địa phương trực tiếp tham gia những buổi đối thoại do Địa phương tổ chức trong năm vừa qua chưa?	9.7	Điều chỉnh nội dung
9.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu chính quyền địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp	E6.1. Nếu câu trả lời là “Đã từng”, Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định: “Người đứng đầu UBND Chính quyền địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp”	9.2	Giữ nguyên
	Mức độ doanh nghiệp ủng hộ lãnh đạo			
9.8	Mức độ ủng hộ của doanh nghiệp với người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	G3. Doanh nghiệp cho biết mức độ ủng hộ lãnh đạo Chính quyền địa phương hiện tại tiếp tục nhiệm kỳ tới đây?	9.8	Giữ nguyên
9.9	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cần thay đổi người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	G4. Doanh nghiệp đánh giá thế nào về nhận định: “Chính quyền địa phương cần bổ nhiệm lãnh đạo mới càng sớm càng tốt”?	9.9	Giữ nguyên

B - Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá đối với các sở, ban, ngành

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá (67 chỉ tiêu)	Câu hỏi tương ứng trên Phiếu khảo sát DDCI 2022	Chỉ tiêu 2021 tương ứng	Ghi chú
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin			
	Tiếp cận thông tin			

1.1	Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin	A1.1. Các thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách mới A1.2. Các thông tin về chính sách ưu đãi dành cho doanh nghiệp	1.1	Giữ nguyên
1.2	Mức độ tiếp cận các thông tin không được công bố công khai	A2. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định sau: “ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ sẵn sàng cung cấp những thông tin, văn bản (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) KHÔNG CÓ SẴN trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website) nếu Doanh nghiệp đề nghị”	1.2	Giữ nguyên
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng thông tin điện tử	A4. Trong năm 2022, Doanh nghiệp đã từng truy cập vào website/cổng thông tin điện tử của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ chưa?	1.3	Điều chỉnh cách diễn đạt
	<i>Minh bạch thông tin</i>			
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính được niêm yết công khai	A10.1. Thủ tục được niêm yết công khai tại bảng thông tin và/hoặc cổng thông tin điện tử	1.5	Giữ nguyên
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phí và lệ phí được niêm yết công khai	A10.3. Phí và lệ phí liên quan đến TTHC được niêm yết công khai	1.6	Giữ nguyên
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách được cập nhật thường xuyên	A5.1. Các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách được cập nhật thường xuyên		Biến mới
1.7	Các thông tin về hoạt động, quy hoạch, kế hoạch, số liệu thống kê cập nhật thường xuyên và đầy đủ	A5.2. Các thông tin về hoạt động, quy hoạch, kế hoạch, số liệu thống kê cập nhật thường xuyên và đầy đủ		Biến mới
18	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cổng TTĐT của sở, ban, ngành có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp rất hữu ích	A5.3. Website có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp rất hữu ích	1.7	Điều chỉnh cách diễn đạt
	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin (chuyển đổi số)</i>			
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến	A8. Doanh nghiệp đã từng thực hiện TTHC tại Trung tâm hành chính công của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ theo phương thức nào?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là không khó khăn	A12.1. Việc thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến đơn giản và dễ dàng hơn phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp cán bộ)		Biến mới. Cập nhật theo PCI

1.11	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A12.2. Khi thực hiện TTHC trực tuyến, Doanh nghiệp tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp cán bộ)		Biến mới. Cập nhật theo PCI
1.12	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A12.3. Khi thực hiện TTHC trực tuyến, Doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp cán bộ)		Biến mới. Cập nhật theo PCI
1.13	Khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	A12.4. Khi thực hiện TTHC trực tuyến, Doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống		Biến mới. Cập nhật theo PCI
2	Chi phí không chính thức			
	<i>Thực trạng chi phí không chính thức</i>			
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu là phổ biến	B5.1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến tại ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	2.1	Giữ nguyên
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “có mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính	A15. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định sau: “Doanh nghiệp KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ để được ưu tiên hơn trong việc giải quyết TTHC”?	2.2	Giữ nguyên
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “có mối quan hệ” sẽ giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của sở, ban, ngành	A3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định sau: “Những doanh nghiệp có “mối quan hệ” với cán bộ của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ có thể dễ dàng tiếp cận được những thông tin, văn bản (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) KHÔNG CÓ SẴN trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website)”	1.4	Giữ nguyên (Điều chỉnh vị trí, chỉ tiêu 1.4 chuyển xuống)
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trực lợi	A9. Nếu đã đến thực hiện TTHC trực tiếp tại Trung tâm hành chính công/ trụ sở của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, Doanh nghiệp có gặp phải hiện tượng cán bộ của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ gây khó khăn/trì hoãn để trực lợi không?	2.3	Điều chỉnh cách diễn đạt

2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại đơn vị được đánh giá	B5.2. Doanh nghiệp coi chi phí không chính thức là đương nhiên tại ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	2.4	Giữ nguyên
	<i>Mức trả chi phí không chính thức</i>			
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức cho cán bộ của đơn vị được đánh giá là đáng kể so với doanh thu	B3. Trong năm 2022, mức trả chi phí không chính thức của Doanh nghiệp cho cán bộ của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ở mức độ như thế nào so với doanh thu của Doanh nghiệp?	2.5	Giữ nguyên
2.7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng xu hướng chi phí không chính thức tăng so với năm trước	B4. Mức chi trả chi phí không chính thức của Doanh nghiệp cho cán bộ của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ trong năm 2022 so với các năm trước như thế nào?	2.6	Giữ nguyên
3	Chi phí thời gian			
	<i>Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)</i>			
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết thủ tục hành chính	A10.4. Doanh nghiệp mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết TTHC		Biến mới
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục thực hiện TTHC được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	A10.2. Quy trình thực hiện TTHC được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	3.1	(Điều chỉnh cách diễn đạt)
3.3	Thời gian nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận" khi gửi hồ sơ trực tuyến	A11. Nếu doanh nghiệp đã từng thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, thông thường sau bao lâu doanh nghiệp nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận"?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp phải tình trạng hồ sơ thủ tục hành chính đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	A13. Từ tháng 10/2021 đến nay, Doanh nghiệp có gặp phải trường hợp hồ sơ TTHC đã được chấp nhận hợp lệ bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ khi làm việc tại Trung tâm hành chính công/ trụ sở của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ không?		Biến mới
3.5	Số lần doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi đã được tiếp nhận hợp lệ	A13. Nếu có, số lần một hồ sơ TTHC bị trả lại NHIỀU NHẤT là bao nhiêu?	3.3	(Điều chỉnh cách diễn đạt)

3.6	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp trường hợp đùn đẩy trách nhiệm công việc giữa các sở, ban, ngành	B2. Doanh nghiệp cho biết ý kiến về tình trạng đùn đẩy công việc tại ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ sang cho các sở, ban, ngành khác hoặc cho Chính quyền địa phương hoặc lên các cấp thẩm quyền cao hơn khi doanh nghiệp tương tác giải quyết công việc trong năm vừa qua?	3.5	Giữ nguyên
3.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại trung tâm hành chính công (hoặc các bộ phận có giao dịch với doanh nghiệp) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	A10.6. Cán bộ ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	3.2	(Điều chỉnh cách diễn đạt)
3.8	[CHỈ TIÊU CỨNG] Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn		3.6	Giữ nguyên
	<i>Thời gian thanh tra, kiểm tra</i>			
3.9	Số lần thanh kiểm tra trong 1 năm	B1.b) Số lần thanh tra, kiểm tra riêng của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ từ tháng 10/2021 đến nay là?	3.7	Giữ nguyên
3.10	Thời gian của lần thanh tra, kiểm tra riêng kéo dài nhất	B1.c) Thời gian của lần thanh tra, kiểm tra riêng kéo dài nhất của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ từ tháng 10/2021 đến nay là?	3.8	Điều chỉnh nội dung
3.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	B1.d) Hoạt động thanh tra, kiểm tra riêng của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ từ tháng 10/2021 đến nay có gây cản trở đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp không?	3.9	Giữ nguyên
4	Cạnh tranh bình đẳng			
	<i>Ưu ái cho doanh nghiệp sân sau, thân hữu</i>			
4.1	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sân sau và doanh nghiệp thân hữu của sở, ban, ngành	C2. Doanh nghiệp nhận định như thế nào về sự hiện diện của Doanh nghiệp sân sau và/hoặc Doanh nghiệp có liên kết (“thân hữu”) với cán bộ thuộc ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ?	4.1	Giữ nguyên
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định sở, ban, ngành ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	C3. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định: “ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn (bao gồm cả doanh nghiệp FDI, tư nhân, nhà nước) hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”?		Biến mới. Cập nhật theo PCI

4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc sở, ban, ngành dành ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	C4. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định: “Việc ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ dành ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn (bao gồm cả doanh nghiệp FDI, tư nhân, nhà nước) gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
	<i>Đối xử bình đẳng</i>			
4.4	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sở, ban, ngành có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân	C1. Doanh nghiệp đánh giá như thế nào về thái độ của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân?		Biến mới. Cập nhật theo PCI
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hoạt động đối thoại doanh nghiệp chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn	D5.1. Đối thoại chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn		Biến mới
4.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của sở, ban, ngành dành cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp	C5. Doanh nghiệp có đồng ý với nhận định: “Sự quan tâm của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ đối với doanh nghiệp không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp (như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho nhà nước, số tiền ủng hộ các chương trình/hoạt động của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, v.v.)”?	4.6	Giữ nguyên
5	Hỗ trợ doanh nghiệp			
	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp</i>			
5.1	Mức độ doanh nghiệp đã tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ của sở, ban, ngành	D1. Từ tháng 10/2021 tới nay, Doanh nghiệp có tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ do ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ tổ chức hay không? D1.1.1. Doanh nghiệp đã từng tham gia các chương trình hỗ trợ nào dưới đây?	5.1	Điều chỉnh nội dung
5.2	Mức độ doanh nghiệp đánh giá thủ tục để tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ của sở, ban, ngành là dễ dàng	D1.1.2. Thủ tục để tham gia/được hưởng có dễ dàng?		Biến mới
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành là thực chất	D2. Nếu Doanh nghiệp đã từng tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ tổ chức, xin vui lòng cho biết ý kiến về chất lượng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp?	5.3	Giữ nguyên

5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành đã có cái thiện nhiều	D3. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về mức độ cải thiện trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nói chung của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ trong năm qua?	5.4	Giữ nguyên
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ của sở, ban, ngành hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	A10.5. Cán bộ hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết TTHC cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	5.5	Giữ nguyên
	<i>Đối thoại doanh nghiệp</i>			
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình đối thoại doanh nghiệp của sở, ban, ngành	D4. Từ tháng 10/2021 đến nay, Doanh nghiệp có được mời/thông báo tham gia các buổi đối thoại Doanh nghiệp do ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ tổ chức không?		Biến mới
5.7	Chất lượng của hoạt động đối thoại của sở, ban, ngành	D5.2. Vấn đề, quan ngại của doanh nghiệp được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại D5.3. ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ có kế hoạch cụ thể, tiếp thu và thay đổi sau đối thoại		Biến mới
6	Thiết chế pháp lý			Điều chỉnh từ 5% lên 10%
	<i>Phổ biến pháp luật</i>			
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành cung cấp kịp thời và đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành liên quan đến lĩnh vực quản lý	E1.1. Trong năm qua, doanh nghiệp luôn nhận được kịp thời và đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành (cấp trung ương và cấp tỉnh) liên quan đến lĩnh vực quản lý của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ		Biến mới
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành do cấp tỉnh ban hành chậm so với nhu cầu thực tiễn	E1.2. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ do cấp tỉnh ban hành trong năm qua chậm so với nhu cầu thực tiễn		Biến mới
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành do cấp tỉnh ban hành trong năm qua có tính khả thi thấp	E1.3. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ do cấp tỉnh ban hành trong năm qua có tính khả thi thấp		Biến mới
	<i>Thực thi pháp luật</i>			

6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	E2.1. ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ thực thi văn bản quy phạm pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	6.4	Giữ nguyên
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định, quy trình	E2.2. ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ thực thi văn bản quy phạm pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định	6.5	Giữ nguyên
	<i>Niềm tin vào thiết chế pháp lý</i>			
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nếu gặp cán bộ của sở, ban, ngành làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho doanh nghiệp	E3. Theo Doanh nghiệp, nhận định sau có thường xuyên đúng không: “Tại ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, nếu một cán bộ nhà nước làm trái với quy định của pháp luật (như thanh tra, kiểm tra thái quá, hạch sách, nhũng nhiễu, đòi các khoản chi không chính thức...), tôi có thể phản ánh lên cấp trên của người đó để được giải quyết đúng”?	6.8	Điều chỉnh cách diễn đạt
7	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của sở, ban, ngành			
	<i>Tính năng động, sáng tạo</i>			
7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của sở, ban, ngành	F1.3. Nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn	7.1	Giữ nguyên
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp	F1.4. Chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong phạm vi chức năng của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	7.2	Giữ nguyên
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	F1.5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	7.3	Giữ nguyên
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ DN	D7. Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định: “Trong năm vừa qua, ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp”	7.4	Giữ nguyên
	<i>Hiệu quả hoạt động</i>			

7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	F1.1. Thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	7.5	Điều chỉnh cách diễn đạt
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	F1.2. Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	7.6	Điều chỉnh cách diễn đạt
	<i>Mức độ hài lòng</i>			
7.7	Mức độ hài lòng đối với cổng thông tin điện tử	A6. Cân nhắc tất cả các khía cạnh về thiết kế, nội dung, tình trạng kết nối, mức độ cập nhật thông tin... Doanh nghiệp cho biết mức độ hài lòng chung đối với website/cổng thông tin điện tử của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ (Doanh nghiệp có thể truy cập lại vào địa chỉ tại đây để đánh giá)		Biến mới
7.8	Mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ trong việc thực hiện thủ tục hành chính	A14. Xét tổng thể, Doanh nghiệp vui lòng cho biết mức độ hài lòng của mình về chất lượng phục vụ của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ về toàn bộ hoạt động liên quan đến TTHC tại ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ		Biến mới
8	Vai trò người đứng đầu sở, ban, ngành			Điều chỉnh từ 20% xuống 15%
	<i>Công tác điều hành của lãnh đạo</i>			
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại đơn vị của mình	F2.1. Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại đơn vị của mình	8.1	Giữ nguyên
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành giải quyết công bằng các khiếu nại	F2.2. Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ giải quyết công bằng và kịp thời những khiếu nại của doanh nghiệp với các cán bộ, bộ phận hành chính	8.3	Giữ nguyên
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức, viên chức trong đơn vị	F2.3. Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức tại đơn vị của mình	8.4	Giữ nguyên
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành đề cao và phát huy vai trò của công nghệ	F2.4. Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ đề cao và phát huy vai trò của công nghệ, đổi mới sáng tạo về quy trình quản lý trong thủ tục hành chính	8.5	Giữ nguyên

8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành nghiêm minh với cán bộ làm trái với quy định của pháp luật	E3.1. Theo Doanh nghiệp, nhận định sau có thường xuyên đúng không: “Lãnh đạo của ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ đó”?	8.6	Điều chỉnh cách diễn đạt
8.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành có trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp	D6. Doanh nghiệp đã từng thấy người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ trực tiếp tham gia những buổi đối thoại do ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ tổ chức trong năm vừa qua chưa?	8.7	Điều chỉnh cách diễn đạt
8.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp	D6.1 Nếu câu trả lời là “Đã từng”, Doanh nghiệp vui lòng cho biết ý kiến về nhận định: “Người đứng đầu ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp trong các buổi đối thoại”	8.2	Giữ nguyên
	<i>Mức độ doanh nghiệp ủng hộ lãnh đạo</i>			
8.8	Mức độ ủng hộ của doanh nghiệp với người đứng đầu sở, ban, ngành	F3. Doanh nghiệp cho biết mức độ ủng hộ lãnh đạo ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ hiện tại tiếp tục nhiệm kỳ tới đây?	8.8	Giữ nguyên
8.9	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cần thay đổi người đứng đầu sở, ban, ngành	F4. Doanh nghiệp đánh giá thế nào về nhận định: “ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ cần bổ nhiệm lãnh đạo mới càng sớm càng tốt”?	8.9	Giữ nguyên